TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 394/2025/HC-PT
Ngày: 29 - 9 - 2025
V/v *Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư*

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Tiếu Phương Quyền - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Bùi Như Lạc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 441/2025/TLPT-HC ngày 10 tháng 6 năm 2025về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 197/2024/HC-ST ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang (Nay là Tòa án nhân dân tỉnh An Giang) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 108/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện*: Ông Đỗ Văn Đ, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ A, ấp Ô, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (nay là đặc khu P, tỉnh An Giang).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn B, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (nay là xã C, tỉnh Tây Ninh).

- *Người bị kiện*: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Đ, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Lê Quốc T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Đ (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn H - Phó chánh Văn phòng Hội (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ủy ban nhân dân thành phố P.

2. Ủy ban nhân dân xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (nay là đặc khu P, tỉnh An Giang).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Đ, tỉnh An Giang.

3. Ông Nguyễn Duy H1, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ B, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh (nay là xã C, tỉnh Tây Ninh).

4. Bà Mai Thị Kim T1, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Ô, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (nay là đặc khu P, tỉnh An Giang).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Đỗ Văn Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, người khởi kiện ông Đỗ Văn Đ và ông B đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Văn Đ trình bày:

Ngày 23/7/2022 ông Đỗ Văn Đ nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2986/QĐ-XPHC ngày 15/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang từ bưu điện; Sau khi nhận được quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang ngày 01/8/2022 ông Đỗ Văn Đ có đơn khởi kiện yêu cầu hủy quyết định theo quy định pháp luật.

Năm 1997, vợ chồng ông Đ có khai phá phần đất diện tích 8.480,4m^2 tại tổ A, ấp Ô, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Năm 2007, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P, tỉnh Kiên Giang có lập biên bản xác minh nguồn gốc đất, Tổ trưởng là ông Châu Văn H2, Công an khu vực là ông Phạm Tấn T2, đại diện ban nhân dân ấp Ông L1 là ông Nguyễn Thanh H3, cán bộ đo đạc là ông Nguyễn Thành N; Các hộ giáp ranh đất ông Đỗ Văn Đ là bà Trần Thị M, ông Vũ Văn Q, ông Nguyễn Văn T3, bà Trần Thị M. Sau khi tiến hành đo đạc thì các bên có ký tên vào bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 21/5/2008. Từ đó, đến nay ông Đỗ Văn Đ đã nhiều lần đăng ký quyền sử dụng đất phần đất, tuy nhiên đến nay chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vào tháng 10/2021 ông Đỗ Văn Đ chuyển nhượng toàn bộ phần đất khai phá cho ông Nguyễn Duy H1, sinh năm: 1987; Địa chỉ tổ B, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh và giao toàn bộ phần đất này cho ông H1 quản lý, sử dụng. Khi chuyển nhượng hai bên có tiến hành đo đạc lại thực tế. Theo thỏa thuận giữa ông Đỗ Văn Đ và ông H1 thì do ông Đỗ Văn Đ là người khai phá đất nên ông Đỗ Văn Đ đi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ sang tên lại cho ông H1.

Vào ngày 02/12/2021 ông Đỗ Văn Đ nghe thông báo là Ủy ban nhân dân thành phố P cho phép các hộ dân chưa đăng ký quyền sử dụng đất được đăng ký quyền sử dụng đất tại Văn phòng ấp Ông L1 nên ông Đỗ Văn Đ đến kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, tuy nhiên khi ông Đỗ Văn Đ đăng ký quyền sử dụng đất đoàn không nhận hồ sơ của ông. Sau đó ông Đỗ Văn Đ đến Ủy ban nhân dân xã C nộp hồ sơ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật nhưng cán bộ Ủy ban nhân dân xã không nhận hồ sơ nên ông Đỗ Văn Đ gửi qua đường bưu điện. Cũng trong thời gian này ông H1 xây dựng nhà trên đất và cho vợ chồng ông Đỗ Văn Đ thuê lại từ tháng 01/2022 để trông coi đất cho ông H1.

Từ đó, đến nay ông Đỗ Văn Đ nhiều lần được Ủy ban nhân dân xã C mời đến làm việc liên quan đến việc đăng ký quyền sử dụng đất bằng điện thoại và bằng giấy mời; ông Đỗ Văn Đ nhiều lần đến Ủy ban nhân dân xã tuy nhiên cán bộ xã lấy nhiều lý do không làm việc với ông.

Quá trình Ủy ban nhân dân xã giải quyết việc đăng ký quyền sử dụng đất ông Đỗ Văn Đ có cung cấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ông Đỗ Văn Đ chuyển nhượng đất cho ông H1, ủy quyền cho ông H1 thay ông Đỗ Văn Đ đến Ủy ban nhân dân xã và các cơ quan có liên quan hoàn tất thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất phần đất ông Đỗ Văn Đ khai phá.

Ngày 06/5/2022 Ủy ban nhân dân xã C gửi giấy mời cho ông Đỗ Văn Đ và ông H1 yêu cầu ông Đỗ Văn Đ và ông H1 đến Ủy ban nhân xã C có mặt tại Ủy ban nhân dân xã vào ngày 12/5/2022 để làm việc liên quan đến việc sử dụng đất

tại ấp Ô, xã C, thành phố P; Tuy nhiên, khi đến làm việc thì không lập biên bản và cho các bên ra về.

Theo ông Đỗ Văn Đ được biết thì phần đất mà Ủy ban nhân dân thành phố P ra quyết định xử phạt đối với ông Đỗ Văn Đ cho rằng ông Đỗ Văn Đ chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực nông thôn xây dựng nhà ở và xây dựng hàng rào kẽm gai với diện tích là 5.584,4m^2 theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ nằm ngoài ranh rừng.

Theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2986/QĐ-XPHC ngày 15/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P thì Ủy ban nhân dân P căn cứ vào Biên bản vi phạm hành chính số 148/BB-VPHC ngày 02/6/2022 để xử phạt hành chính với ông Đỗ Văn Đ là không đúng quy định pháp luật, thực tế ông Đỗ Văn Đ không hề bị Ủy ban nhân dân xã C, Ủy ban nhân dân thành phố P Biên bản vị phạm hành chính; từ trước đến nay vợ chồng ông Đỗ Văn Đ luôn sinh sống trên phần đất tranh chấp, không hề bỏ địa phương đi nơi khác sinh sống.

Mặt khác, khi Ủy ban nhân dân xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang lập Biên bản vi phạm hành chính từ thời điểm này ông Nguyễn Duy H1 là người quản lý, sử dụng đất này, không phải vợ chồng ông Đỗ Văn Đ nên Ủy ban nhân dân thành phố P ra quyết định xử phạt hành chính đối với ông Đỗ Văn Đ là không đúng đối tượng.

Sau khi ông Đỗ Văn Đ nhận quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2986/QĐ-XPHC ngày 15/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang ông Đỗ Văn Đ đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang theo quy định pháp luật và gửi văn bản, chứng cứ kèm theo. Trên văn bản ông Đỗ Văn Đ có trình bày rõ ràng việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành quyết định đối với ông Đỗ Văn Đ là hoàn toàn không đúng đối tượng vì phần đất này ông Đỗ Văn Đ đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Duy H1 và giao cho ông H1 quản lý sử dụng từ tháng 10/2021. Toàn bộ cây trồng và căn nhà trên đất là do ông H1 trồng và xây cất, vợ chồng ông Đỗ Văn Đ chỉ thuê lại để sinh sống; ông H1 cũng có đến Ủy ban nhân dân xã C làm việc, ông Đỗ Văn Đ cũng đã cung cấp hợp đồng chuyển nhượng; hợp đồng thuê nhà và thông báo thụ lý của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc về việc ông Nguyễn Duy H1 khởi kiện vợ chồng ông Đỗ Văn Đ yêu cầu thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Ủy ban nhân dân xã C.

Tại bản tự khai 26/9/2023 và tại phiên toà ông Đặng Văn B đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Văn Đ trình bày: Do ông H1 biết được đất ông Đ chưa có

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên vào khoảng tháng 3/2022 ông H1 có đề nghị hỗ trợ gia đình ông Đ làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên hai bên tự làm hợp đồng chuyển nhượng và làm hợp đồng thuê nhà cho ông Hiếu thuận T4 đi làm giấy tờ, ông H1 sẽ làm giấy xác nhận hợp đồng không có thật để vợ chồng ông Đ yên tâm. Việc chuyển nhượng đất và thuê nhà giữa ông Đ và ông H1 là không có thật và được ông H1 ký xác nhận ngày 27/3/2023.

Nay ông Đỗ Văn Đ yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2986/QĐ-XPHC ngày 15/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Hủy Quyết định số 48/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả ngày 09/01/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P có ý kiến đối với đơn khởi kiện của ông Đỗ Văn Đ như sau:

- Đối với Quyết định 2986/QĐ-XPHC ngày 15 tháng 6 năm 2022:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 2986/QĐ-XPHC ngày 15 tháng 6 năm 2022 về xử phạt vi phạm hành chính là hoàn toàn có cơ sở và đúng theo quy định của pháp luật, cụ thể:

Nguồn gốc diện tích 5.584,6m^2 tại tổ A, ấp Ô, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang thuộc nhóm đất nông nghiệp loại đất trồng cây lâu năm (theo công văn số 217/UBND-NCPC ngày 30/3/2022, về việc xác định loại đất để xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai).

Ngày 02/6/2022, Công chức địa chính xã C đã phối hợp với các cơ quan có liên quan tiến hành kiểm tra thực tế thửa đất diện tích 5.584,6m^2 do ông Đỗ Văn Đ chiếm đất nông nghiệp loại đất trồng cây lâu năm tại khu vực nông thôn thuộc tổ A, ấp Ô, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Cùng thời điểm này công chức địa chính xã có làm việc với ông Đỗ Văn Đ, ông Đỗ Văn Đ trình bày "thửa đất do ông tự khai khẩn từ năm 2003 trồng Tràm bông vàng và Đ1 từ năm 2003 đến năm 2005 thì cất nhà tạm để ở (đã sập) đến năm 2007 được đoàn đo đạc đại trà đo đạc thuộc thửa đất số tờ bản đồ số 51 với diện tích 8.480,4m^2 và Biên bản xác minh nguồn gốc đất ngày 15/12/2007 có xác nhận của Ban nhân dân ấp Ông L1, do ông Nguyễn Thanh T5 là Trưởng ấp. Thửa đất do ông khai khẩn và canh tác từ năm 2003 liên tục cho đến nay có ranh giới sử dụng ổn định, không tranh chấp nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2021 ông xây dựng nhà cấp 4 để ở và canh tác, chăm sóc cây trồng. Thửa đất trên ông đã canh tác từ năm 2003 nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đề nghị cơ quan nhà nước xem xét giải quyết cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông canh tác ổn định và phát triển kinh tế".

Tuy nhiên, căn cứ vào Quyết định số 2599/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh K về việc thu hồi đất, giao đất cho Ủy ban nhân dân xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang và kết quả đo đạc, kiểm tra hiện trạng vị trí diện tích đất ông Đỗ Văn Đ đang sử dụng là không hợp pháp.

Vì vậy, Công chức địa chính xã C tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính đối với ông Đỗ Văn Đ. Theo Biên bản vi phạm hành chính số 148/BB-VPHC lập ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân xã C thể hiện ông Đỗ Văn Đ thực hiện hành vi vi phạm hành chính: Chiếm đất nông nghiệp (do Nhà nước quản lý) tại khu vực nông thôn với diện tích 5.584,6m^2 tại tổ A, ấp Ô, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Ông Đỗ Văn Đ cắm trụ rào kẽm gai bao quanh thửa đất và xây dựng một căn nhà với diện tích 123,0m^2 (tường gạch, mái tôn, nền lát gạch men). Vi phạm quy định tại điểm d khoản 2 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

- Biên bản vi phạm hành chính được lập đúng mẫu quy định; căn cứ lập Biên bản, người có thẩm quyền lập Biên bản thể hiện tính đầy đủ và rõ ràng; nội dung xác lập hành vi vi phạm hành chính đầy đủ, chính xác đúng quy định của pháp luật. Thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính ông Đỗ Văn Đ có mặt nhưng không đồng ý với nội dung trong biên bản, không ký biên bản và không nhận biên bản. Ủy ban nhân dân xã C đã lập biên bản về việc không nhận biên bản vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 70 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và ông Đỗ Văn Đ không đăng ký giải trình.

Từ những nội dung nêu trên, việc ông Đỗ Văn Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh giải quyết hủy Quyết định số 2986/QĐ-XPHC ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về xử phạt vi phạm hành chính là không có cơ sở xem xét, chấp nhận.

- Đối với Quyết định số 48/QĐ-CCXP ngày 09/01/2023 cưỡng chế buộc thực hiện khắc phục hậu quả:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 48/QĐ-CCXP ngày 09/01/2023 cưỡng chế buộc thực hiện khắc phục hậu quả là hoàn toàn có cơ sở và đúng theo quy định của pháp luật, cụ thể:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P đã ra Quyết định số 2986/QĐ-XPHC ngày 15 tháng 6 năm 2022 về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Đỗ Văn Đ đồng thời áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc ông Đỗ Văn Đ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại diện tích 5.584,6m^2 tại tổ A, ấp Ô, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang cho Ủy ban nhân dân xã C quản lý theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số

91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Thời gian thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả 10 ngày.

Sau khi thực hiện kiểm tra việc chấp hành Quyết định xử phạt, ngày 09/01/2023 nhận thấy đã hết thời hạn tự nguyện thi hành biện pháp khắc phục hậu quả nhưng ông Đỗ Văn Đ vẫn không tự nguyện khắc phục hậu quả theo Quyết định số 2986/QĐ-XPHC; do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ra Quyết định số 48/QĐ-CCXP để cưỡng chế thi hành biện pháp khắc phục hậu quả, quy định tại Điều 85, 86, 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh bác yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn Đ, đồng thời giữ nguyên Quyết định số 2986/QĐ-XPHC ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P và Quyết định số 48/QĐ-CCXP ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố P: Đã nhận được tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án. Tuy nhiên, không có văn bản ý kiến liên quan đến nội dung vụ kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã C:

Thực hiện theo Công văn số 1281/UBND-NCPC, ngày 28/6/2024 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến vụ việc khởi kiện của ông Đỗ Văn Đ.

Đến nay công tác xác minh đã hoàn thành, UBND xã C xin báo cáo kết quả thực hiện làm rõ các nội dung như sau:

- Đối với Bản đồ ranh giới, mốc giới lập ngày 21/5/2008 thuộc thửa đất số 333, tờ bản đồ 51, diện tích 8.480,4m^2 tại ấp Ô, xã C thể hiện đứng tên ông Đỗ Văn Đ. Qua đối chiếu hồ sơ lưu trữ tại địa phương thì thửa đất số 333, tờ bản đồ 51, diện tích 8.480,4m^2 không có tên trong Bản đồ địa chính và không được kê khai trong Sổ Mục kê Đất đai nghiệm thu năm 2011. Vì vậy không có cơ sở để xác định vị trí tọa độ của thửa đất nêu trên.

Qua xác minh làm việc với bà Trần Thị M, ông Nguyễn Văn T3, đối với ông Vũ Văn Q (đã chết), kết quả xác minh cho thấy vào năm 2007 ông Đỗ Văn Đ có chỉ dẫn đo đạc ranh giới đối với thửa đất số 333, tờ bản đồ 51, diện tích 8.480,4m^2 nhưng thực tế ông Đ không có canh tác sử dụng và đất thuộc quyền quản lý của Ban Q1 và đã được giao khoán cho ông Huỳnh Văn Đ2 từ năm 2003 với diện tích 20.000m^2 (diện tích 8.480,4 m^2 nằm trong diện tích 20.000m^2).

Thửa đất ông Đ chỉ dẫn đo đạc không được nghiệm thu bản đồ địa chính và ông Đ chỉ dẫn đo đạc là nằm chồng lên thửa đất đã được giao khoán cho ông ông Huỳnh Văn Đ2 vào năm 2003. Đến năm 2014 ông Huỳnh Văn Đ2 có trình báo Ban nhân dân ấp Ông L1 và B1 nhân dân ấp có mời ông Đ làm việc và ông Đ thống nhất trả lại đất đã được Nhà nước giao khoán cho ông Đ2 (thời gian này không có làm biên bản làm việc, hiện nay qua xác minh ông Nguyễn Thanh T5 trình bày sự việc như trên). Từ năm 2014 ông Đỗ Văn Đ đã không còn liên quan đến thửa đất và về An Thới sinh sống (nuôi ốc). Đến năm 2022 thì ông Đ quay trở về địa phương ấp Ông L1, xã C cất nhà, công trình xây dựng thực hiện hành vi chiếm đất chiếm đất đã bị xử lý vi phạm hành chính và cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả vào năm 2023.

- Đối với biên bản xác minh nguồn gốc ngày 15/12/2007 của ông Đỗ Văn Đ, nội dung biên bản ghi nhận ông Đỗ Văn Đ, sinh năm 1962, thường trú tổ A, ấp Ông L1, xã C năm 2003 có khai khẩn 01 thửa đất có diện tích khoảng 6.000m^2 (biên bản xác minh nguồn gốc không có xác nhận của chính quyền địa phương). Qua xác minh, làm việc với những người có liên quan cho thấy vào năm 2003 ông Đ thực tế có khai phá một thửa đất cũng tại tổ A, ấp Ô, xã C nhưng thửa đất ông Đ khai phá năm 2003 là ở vị trí khác, không phải vị trí thửa đất diện tích 8.480,4m^2 theo bản mô tả ranh giới, mốc giới ngày 21/5/2008. Thửa đất ông Đ khai phá năm 2003 có ranh giới giáp với đất của ông Trần Hoàng D và ông Châu Văn S còn thửa đất ông Đỗ Văn Đ chiếm đất và bị cưỡng chế vào năm 2003 theo Quyết định số 48/QĐ-CCXP, ngày 09/01/2023 của UBND thành phố P nằm ở khu vực bãi rác tạm và nằm trong khu vực đất đất trước kia được nhà nước giao khoán cho ông Huỳnh Văn Đ2 vào năm 2003.

Ủy ban nhân dân xã C báo cáo kết quả xác minh về việc yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến vụ việc khởi kiện của ông Đỗ Văn Đ gửi đến UBND thành phố P và Phòng tư pháp thành phố Phú Quốc xem xét. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ kiện theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy H1 trình bày:

Tại bản tự khai ngày 03/01/2023 ông H1 trình bày: Vào ngày 01/10/2021 ông có nhận chuyển nhượng của ông Đỗ Văn Đ phần đất diện tích 9.708m^2, tọa lạc tại ấp Ô, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang với giá 2.400.000.000 đồng, khi chuyển nhượng hai bên có làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ông đã giao trước cho vợ chồng ông Đ 2.000.000.000 đồng, số tiền 400.000.000 đồng còn lại sẽ giao khi ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì vợ chồng ông Đ chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tháng 12/2021 ông xây nhà cấp 4 trên phần đất chuyển nhượng của vợ chồng ông Đ và trồng nhiều loại cây ăn trái trên đất.

Ngày 30/01/2022 do không thường xuyên ở trên đất nên ông cho vợ chồng ông Đ thuê lại căn nhà và nhờ vợ chồng ông Đ trông coi phần đất. Thời hạn thuê đất là 06 tháng.

Sau đó ông nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Đ hoàn tất thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho ông nhưng vợ chồng ông Đ không thực hiện mà nói Ủy ban nhân dân xã C đang hoàn tất thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Đ nên ông khởi kiện vợ chồng ông Đ tại Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang vào ngày 14/4/2022.

Ngày 16/5/2022 Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc thụ lý vụ án theo thông báo thụ lý số 164/TB-TLVA.

Ngày 31/5/2022 Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc ban hành quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ số 83/2022/QĐ-XXTĐTC và quyết định định giá tài sản số 64/2022/QĐ-ĐGTS.

Ngày 22/6/2022 tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ có cán bộ đo đạc của Văn phòng đăng ký thành phố P, tỉnh Kiên Giang; tuy nhiên, tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ không có ai trong đoàn xem xét nói phần đất của ông chuyển nhượng của ông Đ là đất do Ủy ban nhân dân xã C quản lý.

Ngày 01/7/2022 khi hết hạn thuê đất ông có lập hợp đồng thuê đất tiếp tục cho vợ chồng ông Đ thuê phần đất trên với thời hạn là 6 tháng.

Hiện nay phần đất ông chuyển nhượng của vợ chồng ông Đ đang được Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang thụ lý, giải quyết. Toàn bộ diện tích đất này do ông quản lý, sử dụng. Vợ chồng ông Đ đã giao toàn bộ diện tích đất này cho ông quản lý, sử dụng từ tháng 10/2021 cho đến nay. Ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn Đ, yêu cầu Tòa án giải quyết vụ kiện theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 27/3/2023 ông H1 trình bày: Vào ngày 01 tháng 10 năm 2021 bản thân ông và ông Đỗ văn Đ có xác lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với diện tích gồm 02 phần; phần diện tích 5.092,6m^2 và phần diện tích 4.615,4m^2, tổng cộng là 9.078m^2 với giá tiền 2.400.000.000đ. Ngoài ra, chúng tôi còn làm hợp đồng cho thuê nhà là không có thật. Thực tế thì đất và nhà là của vợ chồng ông Đỗ Văn Đ và vợ chồng ông Đ cũng không nhận khoản tiền nào về việc sang nhượng. Nay ông xác nhận sự việc này để vợ chồng ông Đ yên tâm làm ăn sinh sống.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị Kim T1 trình bày: Thống nhất với nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu của ông Đỗ Văn Đ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 197/2024/HC-ST ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang (Nay là Tòa án nhân dân tỉnh An Giang) quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn Đ về việc yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2986/QĐ-XPHC ngày 15/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn Đ đối với yêu cầu hủy Quyết định số 48/QĐ-CCXP ngày 09/01/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/11/2024, người khởi kiện ông Đỗ Văn Đ có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn Đ về việc yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2986/QĐ-XPHC ngày 15/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 21/11/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy H1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người khởi kiện ông Đỗ Văn Đ, có người đại diện theo ủy quyền là ông Đặng Văn B thống nhất trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn Đ, với các lý do:

Về nguồn gốc đất, căn cứ Biên bản xác minh ngày 09/03/2023, căn cứ bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 21/05/2008, lời khai những người làm chứng xác định ông Đ khai hoang từ năm 2000 và sử dụng ổn định đến nay. Ông Đ tiến hành xây nhà và ở từ năm 2021 tuy nhiên UBND xã lại cho rằng năm 2022 ông Đ có hành vi chiếm đất xây nhà là không đúng, ông Đ đã cất nhà tạm ở từ lâu, trong quá trình cưỡng chế lợi dụng việc cưỡng chế căn nhà đã phá hoại căn nhà cũ và cây cối nhằm lấp liếm sự việc. Tòa án cấp sơ thẩm thiếu khách quan, không minh bạch trong việc thu thập chứng cứ. Tại biên bản xác minh thì mọi người cho rằng thửa đất ông Đ bị phạt là nằm trên phần đất 20.000 m^2 được giao khoán cho ông Huỳnh Văn Đ2 từ năm 2003, bản thân các cấp chính quyền cũng thừa nhận điều đó và xác nhận năm 2014 ông Đ2 có yêu cầu giải quyết và

ông Đ và ông Đ2 đã thoả thuận nhưng không lập biên bản là lấp liếm. UBND xã và thành phố P xác nhận căn cứ vào quyết định số 2599/QĐ-UBND ngày 14/12/2012 của UBND tỉnh K về việc thu hồi đất, giao cho UBND xã C quản lý và xác định diện tích ông đất Ông Đ đang sử dụng là không hợp pháp, tuy nhiên khi phía người khởi kiện yêu cầu cung cấp các giấy tờ liên quan để làm rõ nhưng không được đáp ứng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn Đ và ông Nguyễn Duy H1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, xét kháng cáo của người khởi kiện là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của ông Đỗ Văn Đ và ông Nguyễn Duy H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên. Xét kháng cáo của ông Đỗ Văn Đ và ông Nguyễn Duy H1, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Đ, tỉnh An Giang), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy H1, đều có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Ngày 01/8/2022, ông Đỗ Văn Đ khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2986/QĐ-XPHC ngày 15/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang (nay là đặc khu P, tỉnh An Giang) là khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc đối tượng

khởi kiện của vụ án hành chính tại Tòa án, còn thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang (nay thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang) theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng đất

Nguồn gốc diện tích 5.584,6m^2 đất tại Tổ A, ấp Ô, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (nay là đặc khu P, tỉnh An Giang) thuộc nhóm đất nông nghiệp loại đất trồng cây lâu năm (theo Công văn số 217/UBND-NCPC ngày 30/3/2022, về việc xác định loại đất để xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai). Diện tích đất nêu trên trước năm 1998 là đất do Nhà nước quản lý. Ngày 18/6/1998, Ủy ban nhân dân tỉnh K đã ban hành Quyết định số 2163/QĐ-UBND về việc giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K475649 với diện tích 33.307,82 ha đất cho Ban Q1 (nay là Vườn Quốc gia P), trong đó có bao gồm diện tích 5.584,6m^2 đất tại Tổ A, ấp Ô, xã C nêu trên.

Ông Đỗ Văn Đ cho rằng căn cứ Bản đồ ranh giới, mốc giới lập ngày 21/5/2008 thì phần đất ông sử dụng thuộc thửa đất số 333, tờ bản đồ 51, diện tích 8.480,4m^2 tại ấp Ô, xã C thể hiện đứng tên ông Đỗ Văn Đ. Tuy nhiên, qua đối chiếu hồ sơ lưu trữ tại địa phương thì thửa đất số 333, tờ bản đồ 51, diện tích 8.480,4m^2 không có tên trong Bản đồ địa chính và không được kê khai trong Sổ Mục kê đất đai nghiệm thu năm 2011. Vì vậy không có cơ sở để xác định vị trí tọa độ của thửa đất nêu trên. Căn cứ kết quả xác minh cho thấy vào năm 2007, ông Đỗ Văn Đ có chỉ dẫn đo đạc ranh giới đối với thửa đất số 333, tờ bản đồ 51, diện tích 8.480,4m^2 nhưng thực tế ông Đ không canh tác, sử dụng phần đất này mà đất do Ban Q1 giao khoán cho ông Huỳnh Văn Đ2 từ năm 2003 với diện tích 20.000m^2 (diện tích 8.480,4 m^2 nằm trong diện tích 20.000m^2).

Đối với biên bản xác minh nguồn gốc ngày 15/12/2007 của ông Đỗ Văn Đ, nội dung biên bản ghi nhận ông Đỗ Văn Đ, sinh năm 1962, thường trú tổ A, ấp Ông L1, xã C năm 2003 có khai khẩn 01 thửa đất có diện tích khoảng 6.000m^2 *(biên bản xác minh nguồn gốc không có xác nhận của chính quyền địa phương).* Qua xác minh, làm việc với những người có liên quan cho thấy vào năm 2003, ông Đ thực tế có khai phá một thửa đất cũng tại tổ A, ấp Ô, xã C nhưng thửa đất ông Đ khai phá năm 2003 nằm ở vị trí khác, không phải vị trí thửa đất diện tích 8.480,4m^2 theo bản mô tả ranh giới, mốc giới ngày 21/5/2008. Thửa đất ông Đ khai phá năm 2003 có ranh giới giáp với đất của ông Trần Hoàng D và ông Châu Văn S còn thửa đất ông Đỗ Văn Đ đang khiếu kiện trong vụ án này nằm ở khu vực bãi rác tạm và nằm trong khu vực đất Nhà nước giao khoán cho ông

Huỳnh Văn Đ2 vào năm 2003, theo bản đồ hiện trạng vị trí, xung quanh diện tích đất này đều là đất rừng phòng hộ.

Từ những căn cứ trên, có cơ sở xác định diện tích đất ông Đ bị xử phạt vi phạm hành chính có nguồn gốc là đất của Vườn Quốc gia P (trước kia là Ban Q1) được Ủy ban nhân dân tỉnh K giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1998. Ông Đ không có tài liệu, chứng cứ chứng minh có nguồn gốc, quá trình sử dụng diện tích 5.584,6m^2 đất tại Tổ A, ấp Ô, xã C nêu trên.

[2.2] Xét tính hợp pháp của Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2986/QĐ-XPVPHC

- Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền và nội dung ban hành

Căn cứ vào Quyết định số 2599/QĐ-UBND ngày 14/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh K về việc thu hồi đất, giao đất cho Ủy ban nhân dân xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang quản lý, ngày 01/6/2022, Ủy ban nhân dân xã C tiến hành lập Biên bản đo đạc xác định vị trí, diện tích thửa đất do ông Đỗ Văn Đ lấn chiếm, sử dụng và lập Biên bản vi phạm hành chính số 148/BB-VPHC lập ngày 02/6/2022 xác định diện tích đất ông Đỗ Văn Đ thực hiện hành vi vi phạm hành chính.

Tại Biên bản vi phạm hành chính số 148/BB-VPHC lập ngày 02/6/2022 của Ủy ban nhân dân xã C, thành phố P thể hiện: ông Đỗ Văn Đ chiếm đất nông nghiệp (do Nhà nước quản lý) tại khu vực nông thôn với diện tích 5.584,6m^2 tại tổ A, ấp Ô, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Ông Đỗ Văn Đ cắm trụ rào kẽm gai bao quanh thửa đất và xây dựng một căn nhà với diện tích 123,0m^2 (tường gạch, mái tôn, nền lát gạch men) là là hành vi chiếm đất thuộc các hành vi bị nghiêm cấm được quy định tại Điều 12 Luật đất đai 2013 (nay là khoản 9, khoản 31 Điều 3 Luật Đất đai 2024), vi phạm quy định tại điểm d khoản 2 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Việc lập Biên bản vi phạm hành chính có mặt ông Đ; tuy ông Đ không ký tên nhưng có người chứng kiến xác nhận là phù hợp khoản 4 Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Do đó, ngày 15/6/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ra Quyết định số 2986/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Đỗ Văn Đ là đúng quy định tại Điều 38, Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính, Điều 38 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ.

- Về đối tượng bị xử phạt:

Người khởi kiện ông Đỗ Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy H1 kháng cáo cho rằng diện tích đất bị xử phạt ông Đ đã chuyển nhượng cho ông H1 vào tháng 10 năm 2021 và căn nhà xây dựng trên

đất là của ông H1, nhà và đất do ông H1 cho ông Đ thuê lại. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, ông Đ có nhiều văn bản xác nhận hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông Đ và ông H1 năm 2021 là không có thật, căn nhà trên đất là do ông Đ trực tiếp xây dựng và quản lý sử dụng. Hai bên tự tạo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng thuê nhà để cho ông Hiếu thuận T4 đi làm giấy tờ quyền sử dụng đất cho ông Đ. Đồng thời, tại bản tự khai ngày 27/3/2023, ông H1 cũng xác nhận đất và nhà là của ông Đ, hai bên làm hợp đồng mua bán và cho thuê nhà là không có thật. Như vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Đỗ Văn Đ về hành vi chiếm đất nhà nước là đúng đối tượng.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Đỗ Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy H1, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[3] Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Người khởi kiện ông Đỗ Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy H1 phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận. Tuy nhiên, ông Đỗ Văn Đ sinh năm 1962 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp tiền án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Đỗ Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy H1, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

1. Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn Đ về việc yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2986/QĐ-XPHC ngày 15/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn Đ đối với yêu cầu hủy Quyết định số 48/QĐ-CCXP ngày 09/01/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

2. Án phí hành chính phúc thẩm:

- Ông Đỗ Văn Đ được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

- Ông Nguyễn Duy H1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo các biên lai thu tiền số 0011349 ngày 20/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý **Đinh Ngọc Thu Hương** **Trần Thị Hòa Hiệp**